

BÁO CÁO
Việc thực hiện chế độ, chính sách cho sinh viên

PHẦN I. CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP XÃ HỘI VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP (Theo Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 và Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013)

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Trong thời gian qua, Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo và triển khai đầy đủ các chính sách miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên theo đúng quy định của Chính phủ.

- Ban hành văn bản hướng dẫn: Vào đầu mỗi kỳ học, Nhà trường chủ động ban hành Thông báo hướng dẫn và quy trình thực hiện, cũng như các văn bản liên quan đến việc tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ miễn giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập. Các văn bản được ban hành kịp thời, thống nhất, tạo thuận lợi cho sinh viên và đơn vị thực hiện.

- Công tác tuyên truyền: Chính sách được phổ biến rộng rãi đến sinh viên thông qua website, cổng thông tin sinh viên, email thông báo và tại các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, sinh hoạt chủ nhiệm. Nhờ đó, sinh viên nắm bắt rõ quyền lợi, điều kiện và thủ tục để thực hiện.

- Tổ chức thực hiện: Nhà trường bố trí bộ phận chuyên trách tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và lập danh sách sinh viên thuộc diện hưởng chế độ. Quy trình thực hiện đảm bảo tính công khai, minh bạch; việc chi trả được thực hiện đúng thời gian quy định.

2. Kết quả thực hiện

a) Số lượng sinh viên được hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập theo từng nhóm đối tượng:

- Năm học 2024–2025 ghi nhận mức tăng mạnh ở hầu hết nhóm đối tượng, đặc biệt:

+ Trợ cấp xã hội: số lượng sinh viên được hưởng trợ cấp tăng mạnh so với các năm trước. Năm học 2022–2023 không có sinh viên nào thuộc diện này, năm học 2024–2025 đã có 39 sinh viên (HKI) và 38 sinh viên (HKII) được hưởng trợ cấp.

+ Hỗ trợ chi phí học tập: mức tăng cao. Năm học 2022–2023 chỉ có 01 sinh viên được hỗ trợ, trong khi năm học 2024–2025 con số này đã lên đến 09 sinh viên, tương đương mức tăng gấp 9 lần.

- Số lượng sinh viên được hưởng trợ cấp xã hội:



Năm học	Số sinh viên được hưởng trợ cấp xã hội				Số sinh viên được miễn, giảm học phí			Số sinh viên được hỗ trợ chi phí học tập	
	Sinh viên là người dân tộc thiểu số	Sinh viên mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	Sinh viên tàn tật, gặp khó khăn về kinh tế	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vượt khó học tập	Miễn học phí	Giảm 50% học phí	Giảm 70% học phí	Sinh viên thuộc khối ngành sư phạm được hỗ trợ theo ND 116/2020	Sinh viên là người dân tộc thiểu số
2022-2023									
HKI	0	0	0	0	131	52	14	0	1
HKII	0	0	0	0	94	47	17	0	1
2023-2024									
HKI	0	3	0	4	82	48	14	0	1
HKII	0	2	0	0	79	47	14	0	4
2024-2025									
HKI	17	21	1	3	90	52	15	0	8
HKII	19	19	0	2	93	54	17	0	8

b) Mức chi, tổng kinh phí đã thực hiện hằng năm, nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, nguồn khác nếu có).

Năm học	Tổng kinh phí thực hiện (Đơn vị tính: đồng)
2022-2023	1.229.559.000
2023-2024	1.505.090.000
2024-2025	2.105.480.000

c) Đánh giá tác động đối với việc học tập, rèn luyện của sinh viên

Các chính sách trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đã góp phần giảm bớt khó khăn cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt, tạo điều kiện để các em yên tâm học tập, tham gia

hoạt động rèn luyện và giảm nguy cơ bỏ học vì lý do tài chính. Đây là nguồn hỗ trợ quan trọng giúp sinh viên ổn định đời sống và nâng cao kết quả học tập. Tuy nhiên, mức hỗ trợ chi phí học tập quá thấp: 140.000đ/tháng cho sinh viên dân tộc thiểu số vùng kinh tế khó khăn và 100.000đ/tháng cho các đối tượng sinh viên khác: mồ côi, khuyết tật, nghèo vượt, không đủ để đáp ứng chi phí sinh hoạt tối thiểu của sinh viên hiện nay.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Một số quy định tại Quyết định 1121/QĐ-TTg và 66/2013/QĐ-TTg đã không còn phù hợp với thực tiễn, mức hỗ trợ thấp.
- Một số sinh viên không nắm rõ quy trình, nộp hồ sơ chậm hoặc thiếu.
- Việc đối chiếu, thẩm định cần nhiều thời gian do chưa có cơ chế tích hợp dữ liệu với địa phương.

4. Kiến nghị, đề xuất

a) Đối với Chính phủ và các Bộ ngành

Sớm sửa đổi, bổ sung các quy định tại Quyết định 66/2013/QĐ-TTg và Quyết định 1121/QĐ-TTg theo hướng:

- Tăng mức hỗ trợ phù hợp với chỉ số giá tiêu dùng và mức sống tối thiểu hiện nay;
- Mở rộng đối tượng (gia đình bị thiên tai, dịch bệnh, mất việc kéo dài,...).
- Đơn giản hóa thủ tục hồ sơ và áp dụng xác thực dữ liệu điện tử.

b) Đối với địa phương và đơn vị liên quan

Tăng cường phối hợp trong công tác xác nhận hoàn cảnh sinh viên, chia sẻ dữ liệu để hạn chế việc yêu cầu sinh viên cung cấp nhiều loại giấy tờ.

c) Đối với Nhà trường

- Tiếp tục phối hợp với các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, quỹ học bổng để bổ sung nguồn hỗ trợ cho sinh viên khó khăn.
- Đẩy mạnh nộp hồ sơ theo hình thức số hóa để giảm sai sót khi sinh viên kê khai.

PHẦN 2. CÁC QUỸ HỌC BỔNG CHO SINH VIÊN

1. Thông tin chung

Hiện nay, Trường Đại học Bách khoa đang triển khai nhiều loại hình quỹ học bổng nhằm hỗ trợ, động viên và khuyến khích sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện. Các quỹ học bổng chủ yếu bao gồm:

- Học bổng khuyến khích học tập được trích từ 8% nguồn thu học phí của Trường Đại học Bách khoa.
- Học bổng do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ, được triển khai thường xuyên và theo từng chương trình hợp tác cụ thể.

2. Đối tượng, tiêu chí và quy mô hỗ trợ

a) Đối tượng và tiêu chí xét chọn sinh viên được xét học bổng

Các chương trình học bổng đặc thù của đơn vị tài trợ cho các chương trình đào tạo thì điều kiện xét, cấp học bổng cho sinh viên do đơn vị tài trợ đề xuất, có sự trao đổi và thống nhất với Nhà trường.

b) Quy trình tổ chức xét chọn, công bố kết quả

Bước 1: Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng

Tiếp nhận thông tin tài trợ từ doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân; kiểm tra điều kiện, tiêu chí, chỉ tiêu và yêu cầu đặc thù của chương trình học bổng; trao đổi, thống nhất với đơn vị tài trợ trước khi triển khai.

Bước 2: Thông báo hồ sơ học bổng

Ban hành thông báo tiếp nhận hồ sơ học bổng, gửi đến các Khoa và đăng tải trên các kênh truyền thông của Trường; hướng dẫn chi tiết tiêu chí, đối tượng, thời gian và thủ tục nộp hồ sơ cho sinh viên.

Bước 3: Tiếp nhận hồ sơ

Sinh viên nộp hồ sơ theo mẫu quy định; Phòng Công tác Sinh viên kiểm tra hồ sơ, đối chiếu tiêu chí, lập danh sách sinh viên đủ điều kiện để tiến hành xét chọn.

Bước 4: Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký

Hội đồng xét học bổng tài trợ tổ chức đánh giá hồ sơ dựa trên tiêu chí học tập, rèn luyện, hoàn cảnh và yêu cầu đặc thù của đơn vị tài trợ; lựa chọn danh sách đề cử chính thức.

Bước 5: Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng

Sau khi xét chọn, Trường Đại học Bách khoa ban hành công văn đề cử danh sách sinh viên nhận học bổng và gửi cho doanh nghiệp/tổ chức để xác nhận tài trợ và phối hợp công bố kết quả.

c) Mức học bổng, số lượng suất học bổng trao hằng năm; tỷ lệ sinh viên được thụ hưởng

- Mức học bổng khuyến khích học tập có 3 mức:

+ Học bổng loại khá (loại C): Mức học bổng bằng 100% mức học phí hiện hành của chương trình đào tạo mà sinh viên đó đóng đối với các học phần học lần đầu trong học kỳ lấy học bổng.

+ Học bổng loại giỏi (loại B): Mức học bổng bằng 150% mức học phí hiện hành của chương trình đào tạo mà sinh viên đó đóng đối với các học phần học lần đầu trong học kỳ lấy học bổng.

+ Học bổng loại xuất sắc (loại A): Mức học bổng bằng 150% mức học phí hiện hành của chương trình đào tạo mà sinh viên đó đóng đối với các học phần học lần đầu trong học kỳ lấy học bổng.

- Số lượng suất học bổng KKHT:

Năm học	Số suất học bổng/năm	Đạt tỷ lệ
2022-2023	1608	10,7%
2023-2024	1614	10,8%
2024-2025	1896	13,3%

- Mức học bổng do từng doanh nghiệp/tổ chức quy định, dao động từ 2.000.000 - 40.000.000 đồng/suất, tùy từng chương trình.

- Số lượng suất học bổng mỗi năm thay đổi theo điều kiện tài trợ, bình quân từ 500-600 suất/năm.

- Tỷ lệ sinh viên được thụ hưởng chiếm khoảng 4-7% tổng số sinh viên toàn Trường mỗi năm.

3. Nguồn hình thành và sử dụng quỹ

a) Các nguồn thu của quỹ (ngân sách, tài trợ, đóng góp, hiến tặng...)

- Kinh phí trích từ 8% nguồn thu học phí của Trường Đại học Bách khoa.

- Kinh phí tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức xã hội, quỹ học bổng quốc tế.

b) Cơ chế quản lý, sử dụng công khai, minh bạch nguồn lực của quỹ

- Quỹ học bổng được quản lý theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng mục đích và tuân thủ quy định tài chính, kế toán.

- Các hoạt động xét chọn, trao học bổng được báo cáo đầy đủ cho Ban Giám hiệu và đơn vị tài trợ.

4. Đánh giá chung, khó khăn và kiến nghị

- Công tác xét chọn được triển khai đúng quy trình, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Tỷ lệ sinh viên khó khăn được hỗ trợ ngày càng tăng, tạo động lực học tập mạnh mẽ. *như*

Nơi nhận:

- Ban CTSVQHDN&TT;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Huỳnh Phương Nam

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỢ CẤP XÃ HỘI VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Công văn số: 5188 /ĐHĐN-CTSVDNTT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Đại học Đà Nẵng)

Năm học	Số sinh viên được hưởng trợ cấp xã hội				Số sinh viên được miễn, giảm học phí			Số sinh viên được hỗ trợ chi phí học tập		Mức trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập (đồng/sinh viên)	Tổng kinh phí thực hiện hằng năm (đồng)	Nguồn kinh phí	
	Sinh viên là người dân tộc thiểu số	Sinh viên mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	Sinh viên tàn tật, gặp khó khăn về kinh tế	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vượt khó học tập	Miễn học phí	Giảm 50% học phí	Giảm 70% học phí	Sinh viên thuộc khối ngành sư phạm được hỗ trợ theo ND 116/2020	Sinh viên là người dân tộc thiểu số			Nguồn từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác (nếu rõ)
2022-2023											1.229.559.000	1.229.559.000	
HKI	0	0	0	0	131	52	14	0	1	HTCPHT: 100% mức lương cơ sở/người/tháng	580.044.000	580.044.000	
HKII	0	0	0	0	94	47	17	0	1	HTCPHT: 100% mức lương cơ sở/người/tháng	649.515.000	649.515.000	
2023-2024											1.505.090.000	1.505.090.000	
HKI	0	3	0	4	82	48	14	0	1	- TCXH: 100.000đ/1 tháng - HTCPHT: 1.080.000đ/1 tháng	757.665.000	757.665.000	
HKII	0	2	0	0	79	47	14	0	4	- TCXH: 100.000đ/1 tháng - HTCPHT: 1.080.000đ/1 tháng	747.425.000	747.425.000	
2024-2025											2.105.480.000	2.105.480.000	
HKI	17	21	1	3	90	52	15	0	8	TCXH: - 20 sinh viên nhận mức trợ cấp xã hội 140.000 đồng/tháng; - 25 sinh viên nhận mức trợ cấp xã hội 100.000 đồng/tháng. HTCPHT: Hỗ trợ 100% mức lương tối thiểu/người/tháng (12 tháng/năm) cho 02 SV và Hỗ trợ 60% mức lương tối thiểu/người/tháng (10 tháng/năm) cho 07 SV	1.044.080.000	1.044.080.000	
HKII	19	19	0	2	93	54	17	0	8	TCXH: - Mức 140.000 đồng/tháng: 19 SV - Mức 100.000 đồng/tháng: 21 SV HTCPHT: Hỗ trợ 100% mức lương tối thiểu/người/tháng (12 tháng/năm) cho 02 SV và Hỗ trợ 60% mức lương tối thiểu/người/tháng (10 tháng/năm) cho 06 SV	1.061.400.000	1.061.400.000	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
BÁCH KHOA
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TS. Huỳnh Phương Nam

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN QUỸ HỌC BỔNG DÀNH CHO SINH VIÊN
(Ban hành kèm theo Công văn số: 5488 /ĐHĐN-CTSVĐNTT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Đại học Đà Nẵng)

STT	Tên quỹ học bổng	Cơ sở pháp lý	Quyết định thành lập quỹ học bổng	Đơn vị quản lý quỹ học bổng	Nguồn hình thành quỹ học bổng (ngân sách, tài trợ, đóng góp, hiến tặng...)	Cơ chế quản lý, sử dụng nguồn lực của quỹ	Đối tượng sinh viên được xét học bổng	Tiêu chí xét chọn	Quy trình tổ chức xét chọn và công bố kết quả	Mức học bổng (đồng/suất)	Số lượng suất học bổng/năm	Tỷ lệ sinh viên được thụ hưởng (%)
1	Học bổng từ ngân sách nhà nước	- Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-BGDĐT ngày 05/4/2014 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; - Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục	Theo quy định	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQĐN	Nguồn thu học phí của Nhà trường	Theo quy định	Sinh viên đại học hệ chính quy	Theo Quy định xét, cấp học bổng cho sinh viên hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng được ban hành kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-ĐHBK ngày 14/5/2021	Theo Quy định xét, cấp học bổng cho sinh viên hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng được ban hành kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-ĐHBK ngày 14/5/2021	Mức học bổng khuyến khích học tập gồm 3 loại, được tính theo học phí hiện hành của chương trình đào tạo đối với các học phần học lần đầu trong học kỳ xét, cụ thể: - Loại C (Khá): 100% học phí. - Loại B (Giỏi): 150% học phí. - Loại A (Xuất sắc): 150% học phí.	1896 suất học bổng/năm (Tính trong năm học 2024-2025)	13,29%
2	Acecook Happy Scholarship			Công ty Acecook Việt Nam	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	- ĐTB tích lũy kỳ trước từ loại giỏi trở lên - ĐRL kỳ trước từ loại Tốt trở lên - Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, con thương binh, liệt sĩ, khuyết tật, mồ côi... - Ưu tiên sinh viên có thành tích hoặc giải thưởng tại các cuộc thi học thuật, văn hóa, thể thao... - Ưu tiên sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ (Nhật, Anh)	- BTC lọc danh sách sinh viên nộp trên website Acecook Career có tiêu chí phù hợp với học bổng - BTC lập danh sách SV có tổng điểm theo tiêu chí từ cao xuống thấp - BTC xác nhận danh sách SV đạt học bổng - BTC công bố danh sách cuối cùng trên trang truyền thông	11.500.000	15	0,09
3	Agribank Nam Đà Nẵng - Chắp cánh ước mơ			Ngân hàng Agribank Nam Đà Nẵng	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	Sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	5.000.000	18	0,11
4	Buôn Kuốp			Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	Tài trợ		Sinh viên Trần Tuấn Anh, lớp 22TDH2	Sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn		40.000.000	1	0,006
5	CLB Golf BKĐN			CLB Golf BKĐN	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	Sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Căn cứ hồ sơ sinh viên đã nộp tiến hành xét chọn - Hoàn thiện danh sách đề cử sinh viên nhận học bổng	5.000.000	10	0,06



STT	Tên quỹ học bổng	Cơ sở pháp lý	Quyết định thành lập quỹ học bổng	Đơn vị quản lý quỹ học bổng	Nguồn hình thành quỹ học bổng (ngân sách, tài trợ, đóng góp, hiến tặng...)	Cơ chế quản lý, sử dụng nguồn lực của quỹ	Đối tượng sinh viên được xét học bổng	Tiêu chí xét chọn	Quy trình tổ chức xét chọn và công bố kết quả	Mức học bổng (đồng/suất)	Số lượng suất học bổng/năm	Tỷ lệ sinh viên được thụ hưởng (%)
6	Đình Thiện Lý			Quỹ Hỗ trợ Cộng đồng Đình Thiện Lý	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	- Đối với SV năm 1: thành tích học tập xuất sắc thuộc top 10% thí sinh trúng tuyển có điểm đầu vào cao nhất của trường - Đối với SV năm cuối: thuộc top 10% sinh viên có thành tích học tập cao nhất toàn khoa/ngành tại Trường - Có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và cần hỗ trợ tài chính để tiếp tục học tập - Cam kết với các hoạt động vì cộng đồng và năng lực lãnh đạo thông qua các hoạt động ngoại khóa, tình nguyện	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	100% học phí	6	0,03
7	Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn			Trường Đại học Bách khoa	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	- Có hoàn cảnh khó khăn; - Đối với sinh viên năm thứ hai trở lên: + Có điểm trung bình học tập của năm học trước đạt mức trung bình trở lên; + Có điểm trung bình rèn luyện của năm học 2 trước từ 65 điểm trở lên; - Chưa nhận được bất kỳ học bổng nào (kể cả học bổng khuyến khích học tập).	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	5.000.000	38	
8	Học bổng dành cho sinh viên có gia đình chịu ảnh hưởng bởi thiên tai			Trường Đại học Bách khoa	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	Sinh viên hệ đào tạo chính quy có gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	1.000.000-2.000.000	28	
9	Hội Khuyến học thành phố Đà Nẵng			Hội Khuyến học thành phố Đà Nẵng	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	Sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	5.000.000	5	0,03
10	Tập đoàn Thép JFE Nhật Bản			Tập đoàn Thép JFE Nhật Bản	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	- Có trình độ tiếng Nhật - Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giao lưu hợp tác quốc tế - Có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đạt kết quả học tập tốt	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	40.000 Yên	6	0,03

STT	Tên quỹ học bổng	Cơ sở pháp lý	Quyết định thành lập quỹ học bổng	Đơn vị quản lý quỹ học bổng	Nguồn hình thành quỹ học bổng (ngân sách, tài trợ, đóng góp, hiến tặng...)	Cơ chế quản lý, sử dụng nguồn lực của quỹ	Đối tượng sinh viên được xét học bổng	Tiêu chí xét chọn	Quy trình tổ chức xét chọn và công bố kết quả	Mức học bổng (đồng/suất)	Số lượng suất học bổng/năm	Tỷ lệ sinh viên được thụ hưởng (%)
11	Keidanren & JCC			Liên đoàn các tổ chức kinh tế Nhật Bản (Keidanren) và Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam (JCCI)	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	- Có thể sử dụng tiếng Nhật - Có thành tích học tập tốt, tích cực tham gia các HĐCĐ của Nhà trường và xã hội - Ưu tiên SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn, SV tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	7.000.000	3	0,01
12	Kumho Asiana			Tập đoàn Kumho Asiana - Hàn Quốc	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	- ĐHT ở học kỳ trước từ loại Khá trở lên - Gia đình có hoàn cảnh khó khăn	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	5.000.000	2	0,01
13	Nitori			Quỹ học bổng quốc tế Nitori	Tài trợ		Sinh viên năm thứ 2 hoặc năm thứ 3 thuộc các khoa: Công nghệ Thông tin, Điện tử Viễn thông, Khoa học Công nghệ Tiên tiến Trường Đại học Bách khoa	- Sinh viên có thành tích học tập xuất sắc (trong nhóm 20% những người có thành tích cao nhất)	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	13.000.000	10	0,06
14	Nâng bước Thù khoa			Bảo Tiền Phong	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	- Sinh viên thủ khoa/ có thứ hạng đầu vào cao - Gia đình có hoàn cảnh khó khăn	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	10.000.000	1	0,006
15	Toyota			Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Tài trợ		Sinh viên 02 năm cuối thuộc chuyên ngành Ô tô, Cơ khí, Kỹ thuật	- ĐTB học tập của năm học trước từ loại Giỏi trở lên - ĐRL từ loại Tốt trở lên - Ưu tiên SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là người dân tộc thiểu số, đạt thành tích trong NCKH	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	6.000.000	7	0,04
16	Vallet			Giáo sư Odon Vallet	Tài trợ		Sinh viên từ năm thứ 2 đến năm áp cuối trong năm học trước	- Kết quả học tập 03 kỳ trước đó đạt loại Giỏi - Ưu tiên SV đạt giải thưởng về học tập, NCKH, có chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực (Anh, Pháp)	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	32.000.000	15	0,09

STT	Tên quỹ học bổng	Cơ sở pháp lý	Quyết định thành lập quỹ học bổng	Đơn vị quản lý quỹ học bổng	Nguồn hình thành quỹ học bổng (ngân sách, tài trợ, đóng góp, hiến tặng...)	Cơ chế quản lý, sử dụng nguồn lực của quỹ	Đối tượng sinh viên được xét học bổng	Tiêu chí xét chọn	Quy trình tổ chức xét chọn và công bố kết quả	Mức học bổng (đồng/suất)	Số lượng suất học bổng/năm	Tỷ lệ sinh viên được thụ hưởng (%)
17	VESAF, NFP			Tổ chức VESAF, NFP	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, kết quả lớp 12 có học lực và hạnh kiểm loại Khá trở lên	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	10.200.000	2-3	0,01
18	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vidan			Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vidan	Tài trợ		Sinh viên đang thường trú tại các vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, mưa lũ lớn: Hội An, Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình (Bình Đảo, Bình Giang, Bình Hải, Bình Sa) thuộc tỉnh Quảng Nam cũ	Có kết quả học tập tốt	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	2.000.000	25	0,15
19	Nâng bước sinh viên			Đại học Đà Nẵng	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	Sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	5.000.000	14	0,08
20	Học bổng của các doanh nghiệp tài trợ Chương trình Vinh danh thủ khoa và Nâng bước sinh viên ĐHQĐN			Đại học Đà Nẵng	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	- Ưu tiên sinh viên có gia đình thường trú tại các địa phương chịu ảnh hưởng, thiệt hại do thiên tai - Có kết quả học tập tốt - Nếu cùng đáp ứng tiêu chí thì ưu tiên sinh viên thuộc diện chính sách, có hoàn cảnh khó khăn hơn, SV chịu ảnh hưởng nặng bởi thiên tai	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	2.000.000-5.000.000	11	0,06
21	EVN			Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tài trợ		Sinh viên năm cuối các khoa: Công nghệ Nhiệt - Điện lạnh, Điện, Điện tử - Viễn thông, Công nghệ Thông tin, FAST	- Kết quả học tập năm học cận cuối loại Giỏi trở lên - ĐRL năm học cận cuối loại Tốt trở lên	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	10.000.000	50	0,31
22	Hessen			Bộ Khoa học và Nghệ thuật bang Hessen, Cộng hòa Liên bang Đức	Tài trợ		Sinh viên Trường Đại học Bách khoa	- ĐHTT gần nhất đạt từ 7,5 trở lên (thang 10) - Có hoàn cảnh gia đình khó khăn hoặc con thương binh, liệt sĩ, dân tộc thiểu số hoặc trường hợp khó khăn khác - Ưu tiên SV tích cực tham gia hoạt động xã hội, tình nguyện vì cộng đồng	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	216 Euro	1	0,006



STT	Tên quỹ học bổng	Cơ sở pháp lý	Quyết định thành lập quỹ học bổng	Đơn vị quản lý quỹ học bổng	Nguồn hình thành quỹ học bổng (ngân sách, tài trợ, đóng góp, hiến tặng...)	Cơ chế quản lý, sử dụng nguồn lực của quỹ	Đối tượng sinh viên được xét học bổng	Tiêu chí xét chọn	Quy trình tổ chức xét chọn và công bố kết quả	Mức học bổng (đồng/suất)	Số lượng suất học bổng/năm	Tỷ lệ sinh viên được thụ hưởng (%)
23	Murata			Công ty TNHH Murata Manufacturing Việt Nam	Tài trợ		Sinh viên năm 2,3,4 các khoa: Điện, Điện tử - Viễn thông, Cơ khí, Công nghệ Thông tin	- ĐTB tích lũy từ 8.0 trở lên (thang 10) hoặc 3.0 trở lên (thang 4) - ĐRL từ 80 điểm trở lên - Ưu tiên SV tích cực tham gia hoạt động xã hội, SV đạt thành tích hoặc có giải thưởng về NCKH - Ưu tiên SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hộ nghèo, con thương binh, liệt sỹ, mồ côi...	- Tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin học bổng - Thông báo hồ sơ học bổng - Tiếp nhận hồ sơ - Tiến hành xét chọn các hồ sơ đăng ký - Hoàn thiện công văn đề cử sinh viên nhận học bổng	8.000.000	15	0,09


TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
 KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG *ph*
Nam
 TS. Huỳnh Phương Nam